|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN AN LÃO**  **TRƯỜNG TH AN THẮNG** | **BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN: Tiếng Việt – Lớp 1**  **Năm học : 2022-2023**  (*Thời gian làm bài 60 phút không kể thời gian giao đề)* |

Họ và tên:………………………………………..SBD……………Lớp………..

**A. KIỂM TRA ĐỌC (6 điểm)**

**1.Đọc thành tiếng ( 4 điểm)**

Cho H đọc những đoạn văn tuần 13 đến 17 trong Sách Tiếng Việt tập 1

( Mỗi H đọc 1 đoạn khoảng 20 -25 tiếng.)

**2. Đọc hiểu: 2 điểm**

**a. Đọc thầm**

Mùa thu, nắng vàng rực rỡ. Cỏ cây tràn ngập màu nắng.Thu về, khắp các làng quê, đường phố tràn ngập sắc hoa. Cảnh vật thiên nhiên như hoà quyện vào nhau, nhẹ nhàng, bình dị mà vẫn tinh tế.

**Câu 1 : Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng**

Đoạn văn miêu tả cảnh vật vào mùa nào ?

a. Mùa hè b. Mùa thu c. Mùa xuân

**Câu 2. Dựa vào nội dung bài đọc, em hãy nối các ý cột A với các ý cột B để hoàn thiện các câu dưới đây:**

**A B**

tràn ngập màu nắng

Mùa thu

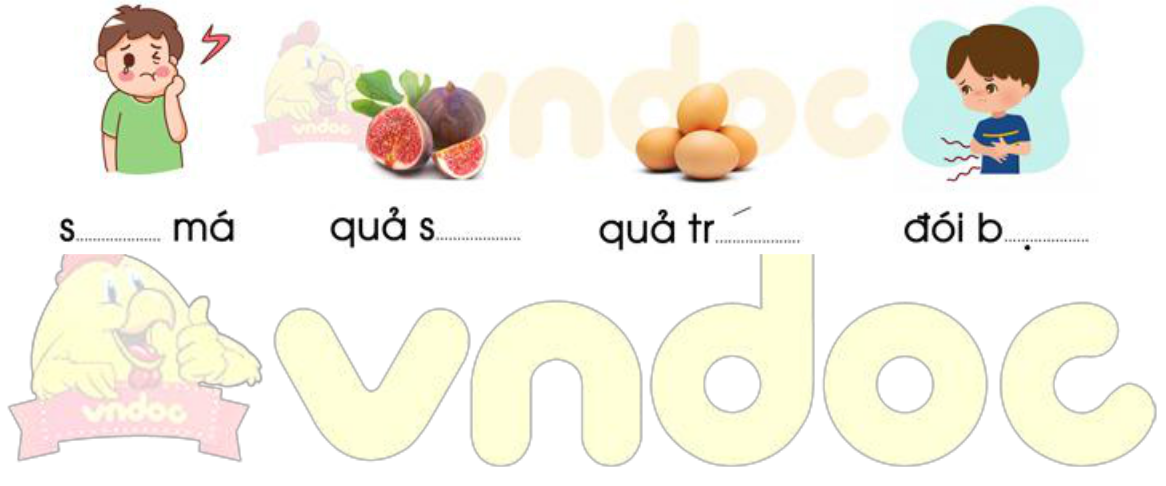
nắng vàng rực rỡ.

Cỏ cây

**3. Viết lại đoạn văn sau: (2 điểm)**

Cảnh vật thiên nhiên như hoà quyện vào nhau nhẹ nhàng mà vẫn tinh tế.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**4. Điền vào chỗ trống ung / ưng: (1 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN AN LÃO  **TRƯỜNG TIỂU HỌC AN THẮNG** | **HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I Môn: Tiếng Việt – Lớp 1**  **NĂM HỌC 2022 – 2023** |

**A. KIỂM TRA ĐỌC: (**6 điểm)

**1. Đọc thành tiếng**: 4 điểm

- HS đọc to rõ ràng từng tiếng, từ: 1 điểm.

- Tốc độ đọc đảm bảo từ 40-50 tiếng/ 1 phút: 2 điểm; từ 30-40 tiếng/phút: 1 điểm.

- Ngắt nghỉ đúng dấu câu: 1 điểm.

- Nghe hiểu nội dung câu hỏi và trả lời được thành câu: 1 điểm.

**2.Kiểm tra đọc hiểu (2điểm)**

**Câu 1: B (1 đ)**

**Câu 2: (1 đ)**

Nối đúng mỗi câu 0,5 điểm

**B. KIỂM TRA VIẾT**: (**4 điểm)**

**1. Chính tả : 3 điểm**

- Tốc độ viết đạt yêu cầu 2 chữ/phút; chữ viết rõ ràng, viết đúng khoảng cách, cỡ chữ; trình bày đúng quy định; viết sạch, đẹp không mắc lỗi chính tả: 3 điểm

- Viết sai 4 lỗi chính tả trừ 1 điểm. (Âm đầu, vần, dấu thanh, dấu câu...)

- Viết không đảm bảo tốc độ, thiếu 1 chữ trừ 0.25 điểm.

**2. Bài tập chính tả: 1 điểm**

- Điền đúng mỗi chỗ trống được 0,25 điểm

***Bài 9, 10 điểm chữ viết xấu trình bày cẩu thả, dập xóa trừ tối đa 1 điểm***

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM MÔN TIẾNG VIỆT CUỐI HỌC KÌ I**

**LỚP 1 – NĂM HỌC 2022 – 2023**

**1**. **Đọc thầm và trả lời câu hỏi**: (2 điểm**)**

1. Hôm nay trời đẹp, bố mẹ cho vịt con ra kênh tập bơi. (1 điểm)
2. Nhà vịt ở gần một con kênh xinh xinh. (1 điểm)

**2. Viết đoạn văn: (2 điểm)**

- Bài viết không mắc lỗi, trình bày sạch đẹp: (2 điểm)

- Viết sai phụ âm đầu, vần, dấu thanh: mỗi lỗi trừ 0,2 điểm.

- Chữ viết không đẹp, không đúng độ cao: Toàn bài trừ 0,5 điểm.

**3. Điền vào chỗ trống: (1 điểm)**

- Mỗi từ điền đúng được 0,5 điểm:

*Quả sung, sưng má*

*Ngõ nhỏ, lắng nghe*

**4. Đọc thành tiếng**: **(5 điểm)**

-HS Đọc một đoạn văn trong bài đã học theo yêu cầu của giáo viên (đúng từ, đúng tiếng, đọc trôi chảy, lưu loát, rõ ràng, đảm bảo tốc độ): đạt 5 điểm.

**4. Đọc thành tiếng**: **(5 điểm)**

-Học sinh đọc một đoạn văn trong bài đã học theo yêu cầu của giám thị (đúng từ, đúng tiếng, đọc trôi chảy, lưu loát, rõ ràng, đảm bảo tốc độ): đạt 5 đ

1.

**Hoa giấy**

**Ai bảo là hoa giấy**

**Nắng không bạc màu?**

**Ai bảo là giấy**

**Mưa không ướt nhàu?**

**Mỏng như tờ giấy**

**Mưa nắng nào phai,**

**Tên nghe rất mỏng**

**Nhưng mà dẻo dai.**

**2.**

**Lạc đà là con vật đặc biệt. Nó có cái bướu to trên lưng. Bướu của lạc đà là nơi dự trữ chất béo. Nhờ thế, nó có thể sống qua nhiều ngày mà không cần ăn uống.**

**3.**

**Gà mẹ dẫn đàn con đi ăn. Chốc chốc, tìm thấy mồi, gà mẹ “tục...tục...” gọi con. Đàn gà con chạy lại, chen chúc nhau ăn rồi rúc vào bên mẹ. Gà mẹ ủ ấm cho các con.**

**B.** **ĐIỂM VIẾT**: **(10 điểm)**

**I. Chính tả:** (4 điểm)

- Viết đạt tốc độ 40 chữ / phút

- Bài viết không mắc lỗi, trình bày sạch đẹp: (4 điểm)

- Viết sai phụ âm đầu, vần, dấu thanh, không viết hoa đúng quy định: mỗi lỗi trừ 0,2 điểm. (5 lỗi trừ 1 điểm)

- Chữ viết không đẹp, không đúng độ cao: Toàn bài trừ 0,5 điểm.

**II. Tập làm văn:** (6 điểm)

- Đảm bảo được các yêu cầu sau, được 6 điểm:

+ Học sinh viết được một đoạn văn có nội dung phù hợp theo yêu cầu của đề bài.

+ Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ đúng, không mắc lỗi chính tả.

- Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết có thể cho các mức điểm phù hợp với thực tế bài viết.

*\** ***Toàn bài bẩn, chữ xấu, dập xóa trừ 1 điểm.***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **UBND HUYỆN AN LÃO**  **TRƯỜNG TH ÁNG SƠN** | | **ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM KSCL CUỐI KÌ I**  **MÔN: Tiếng Việt – Lớp 2**  **Năm học : 2020-2021** | | | |
| **CÂU** | **ĐÁP ÁN** | | **BIỂU ĐIỂM** | **CHÚ Ý** |
|  | **I. Đọc thành tiếng**:  Đọc một đoạn văn trong bài đã học theo yêu cầu của giáo viên đạt mức độ 1 (đúng từ, đúng tiếng, biết ngắt nghỉ đúng chỗ, đọc trôi chảy, lưu loát, rõ ràng, đạt tốc độ 40 chữ/ phút): đạt 4 điểm. | | 4 điểm |  |
|  | **II. Đọc thầm và trả lời câu hỏi: (6đ)** | |  |  |
| **1** | A. Sống rất hòa thuận | | 0,5 điểm | HS khoanh vào 2 đáp án trở lên không tính điểm |
| **2** | C. Để nghe cha bảo: ***“Ai bẻ được bó đũa này thì cha thưởng cho túi tiền.”*** | | 0,5 điểm |
| **3** | b.Yên lặng-ồn ào | | 0,5 điểm |
| **4** | b.Ai làm gì? | | 0,5 điểm |
| **5** | Cành cây như thế nào? | | 1 điểm |
| **6** | Chót vót, xanh | | Mỗi từ đúng được 0,5 điểm |  |
| **7** | Mùa xuân, cây cối đâm chồi nảy lộc. | | 1 điểm |  |
| **8** | Yêu quê hương… | | 1 điểm |  |
|  | **II. Viết (10 điểm)** | |  |  |
|  | **1.Chính tả: 4 điểm**  a.nối liền, lối đi  ngọn lửa, một nửa  hoa sen, xen kẽ  ngày xưa, say sưa  b. chăm sóc,một trăm , va chạm, trạm y tế  c. dở, giấy | | **Ý a,b**: Mỗi từ điền đúng được 0,25 điểm  **Ý c**: Mỗi từ điền đúng được 0,5 điểm |  |
|  | **2.Tập làm văn: 6 điểm**  - Đảm bảo được các yêu cầu sau, được 6 điểm:  + Học sinh viết được một đoạn văn có nội dung phù hợp theo yêu cầu của đề bài.  + Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ đúng, không mắc lỗi chính tả.  - Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết có thể cho các mức điểm phù hợp với thực tế bài viết. | | | |
| **Toàn bài bẩn, chữ xấu, dập xóa trừ 1 điểm.** | | | | |